

Số: 162 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 trên địa bàn toàn tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 về việc ban hành Quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch Covid-19;

Căn Công điện số 1168/CD-BYT ngày 07/8/2021 của Bộ Y tế về việc tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid -19;

Căn cứ Thông báo số 368-TB/TU ngày 13/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh và đề xuất phương án phòng, chống dịch Covid-19 tại tỉnh Kiên Giang của Tổ Công tác của Bộ Y tế;

Căn cứ tình hình diễn biến dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

## **I. TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19 VÀ DỰ BÁO TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Tình hình dịch Covid -19 và đánh giá nguy cơ**

- Tính từ đầu đợt dịch ngày 21/6/2021 đến 07 giờ ngày 17/8/2021, toàn tỉnh Kiên Giang ghi nhận 723 ca mắc COVID-19, đã có 5 ca tử vong. Đánh giá nguy cơ theo Quyết định số 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia trong vòng 14 ngày tính đến 07 giờ ngày 17/8/2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có 431 ca mắc mới trong đó có 313 ca mắc cộng đồng tại 12/144 xã/phường/thị trấn thuộc 05 huyện/thành phố.

- Đánh giá mức độ nguy cơ trên địa bàn toàn tỉnh:

Cấp huyện: 01 huyện có mức độ “nguy cơ rất cao” (tương ứng với vùng đỏ) là huyện Châu Thành; 03 huyện “nguy cơ” (vùng vàng) là thành phố Rạch Giá, huyện Gò Quao, Vĩnh Thuận và 11/15 huyện/thành phố có mức “Bình thường mới” (vùng xanh).



Cấp xã: (1) Có 111/144 xã/phường/thị trấn có mức độ “Bình thường mới” (vùng xanh) (*chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo*); (2) Có 16 xã/phường/thị trấn có mức độ “nguy cơ” (Vĩnh Hiệp, Vĩnh Bảo, An Bình thuộc thành phố Rạch Giá; Thạnh Đông thuộc huyện Tân Hiệp; Mong Thọ A, Mong Thọ, Vĩnh Hòa Hiệp, Bình An, Thạnh Lộc thuộc huyện Châu Thành; Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam, Bình Minh, Vĩnh Thuận thuộc huyện Vĩnh Thuận; Vĩnh Phước A, Vĩnh Phước B, Định An và Thủy Liễu thuộc huyện Gò Quao) (*chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*); (3) Có 14 xã/phường/thị trấn có mức độ “nguy cơ cao” (Vĩnh Lợi, Vĩnh Lạc, An Hòa, Rạch Sỏi thuộc thành phố Rạch Giá; Thạnh Trị thuộc huyện Tân Hiệp; Minh Hòa, Vĩnh Hòa Phú, Minh Lương thuộc huyện Châu Thành; Bàn Tân Định thuộc huyện Giồng Riềng; thị trấn Gò Quao thuộc huyện Gò Quao; Vĩnh Thuận, Tân Thuận, Phong Đông, Vĩnh Phong thuộc huyện Vĩnh Thuận) (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*); và (4) có 03 xã/thị trấn có mức độ “nguy cơ rất cao” (Giục Tượng, Mong Thọ B thuộc huyện Châu Thành và thị trấn Vĩnh Thuận thuộc huyện Vĩnh Thuận) (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

## 2. Dự báo trong thời gian tới

Theo sát tình hình dịch Covid-19 đã và đang diễn ra trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là thời gian gần đây đã xuất hiện nhiều ổ dịch mới với nhiều ca mắc trong cộng đồng và đã lây nhiễm thứ phát qua nhiều người, nhiều địa bàn, nhiều ổ dịch chưa xác định được nguồn lây. Vì vậy, khả năng còn nhiều ca nhiễm Covid-19 còn tiềm ẩn trong cộng đồng ở nhiều địa phương chưa được phát hiện gây nguy cơ dịch bệnh xảy ra trên diện rộng và ở nhiều địa phương là rất cao.

## II. MỤC ĐÍCH

Kiểm soát nhanh chóng dịch bệnh Covid-19 với yêu cầu cao nhất là đảm bảo an toàn và bảo vệ sức khỏe và tính mạng người dân. Thông qua xét nghiệm sàng lọc, diện rộng để chủ động, kịp thời phát hiện người bị nhiễm vi rút SARS-CoV-2 bằng phương pháp xét nghiệm Realtime RT-PCR; nhanh chóng đưa các trường hợp F0 ra khỏi cộng đồng để ngăn chặn, khoanh vùng và xử lý các ổ dịch trong thời gian ngắn nhất, không để dịch lan rộng.

## III. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ NGUYÊN TẮC XÉT NGHIỆM

- Xét nghiệm sàng lọc 100% người dân trong vùng cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid-19, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ.
- Xét nghiệm sàng lọc 10%-15% dân số vùng xanh cho các địa bàn, đối tượng nguy cơ cao (*tiêu chí tại Phụ lục 6 đính kèm*).
- Xét nghiệm bằng phương pháp Realtime RT-PCR mẫu gộp 10-12 theo nhân khẩu từng hộ gia đình, tần suất 07 ngày/lần, thực hiện 03 lần.
- Nguyên tắc xét nghiệm: (1) đối với các vùng đang thực hiện cách ly y tế trong thời điểm triển khai kế hoạch này thì tiếp tục thực hiện các lần lấy mẫu tiếp theo đủ 03 lần, mỗi lần cách nhau 07 ngày; (2) đối với các địa bàn vừa hoàn

thành cách ly y tế trước thời điểm triển khai kế hoạch này thì áp dụng tỷ lệ xét nghiệm sàng lọc như vùng xanh (10%-15% dân số).

#### **IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY TRÌNH**

##### **1. Thời gian**

Thời gian triển khai thực hiện theo kế hoạch: các địa phương bắt đầu triển khai dự kiến từ ngày 17/8/2021 đến ngày 06/9/2021, mỗi đợt thời gian lấy mẫu 06 ngày.

- Đợt 1: Từ ngày 18/8/2021 đến ngày 23/8/2021.

- Đợt 2: Từ ngày 25/8/2021 đến ngày 30/8/2021.

- Đợt 3: Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 06/9/2021.

##### **2. Địa điểm**

Thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố trên toàn tỉnh, do Sở Y tế chủ trì, thống nhất với Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố chọn địa điểm lấy mẫu phù hợp.

##### **3. Quy trình**

Đội lấy mẫu phối hợp với địa phương tổ chức lấy mẫu → kịp thời vận chuyển mẫu về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) theo từng đợt → CDC chuyển giao mẫu cho đơn vị thuê thực hiện xét nghiệm theo số mẫu nhận về; đơn vị thuê thực hiện xét nghiệm giải mẫu gộp (trường hợp có mẫu nghi ngờ) → nhập liệu, trả kết quả về cho CDC; CDC trả kết quả cho các địa phương + báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả xét nghiệm của từng đợt và mỗi ngày → UBND các huyện, thành phố tổ chức đưa F0 vào khu điều trị, F1 đi cách ly tập trung.

#### **V. NHÂN LỰC THỰC HIỆN**

Huy động lực lượng nhân viên y tế toàn tỉnh kể cả công lập và tư nhân, lực lượng tình nguyện, ... đã được tập huấn và tham gia các hoạt động lấy mẫu, phối hợp hỗ trợ các hoạt động lấy mẫu, xét nghiệm trong thời gian qua để thành lập Đội lấy mẫu của tỉnh để thực hiện kế hoạch, chia thành các tổ nhỏ phối hợp với lực lượng tình nguyện đối ứng của các địa phương thực hiện lấy mẫu ở từng địa bàn cụ thể.

Ngoài ra, các địa phương huy động tất cả nguồn lực bao gồm lực lượng y tế công, y tế tư nhân, lực lượng y tế thuộc các lực lượng Công an, Quân đội và ban, ngành, đoàn thể đảm bảo đủ để thành lập các Tổ lấy mẫu, lực lượng đối ứng để phối hợp Đội của tỉnh đảm bảo triển khai đúng tiến độ.

#### **VI. PHƯƠNG ÁN LẤY MẪU XÉT NGHIỆM**

**1. Đối với các vùng cách ly y tế, vùng nguy cơ rất cao, vùng nguy cơ cao và vùng nguy cơ**

Tổng số nhân khẩu cần lấy mẫu xét nghiệm vi rút SARS-CoV-2 là 568.490 người/đợt (bao gồm cả 05 phường bình thường mới của thành phố Rạch Giá: Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang, Vĩnh Thông và xã Phi Thông).

- Que lấy mẫu
- + Mỗi đợt: 568.490 người x 01 que/người/đợt = 568.490 que.
- + Sử dụng 03 đợt: 568.490 que/đợt x 3 lần = 1.705.470 que.

- Số mẫu gộp
- + Số mẫu xét nghiệm sàng lọc mỗi đợt  
568.490 khẩu/10 khẩu/ống = 56.849 mẫu.
- + Số mẫu xét nghiệm 03 đợt  
56.849/đợt x 3 đợt = 170.547 mẫu gộp.

(chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo)

## 2. Đối với vùng xanh

- Nguyên tắc lấy mẫu

(1) Lấy mẫu 15% dân số ở vùng nguy cơ cho đối tượng nguy cơ cao (tiêu chí tại Phụ lục 6 kèm theo) đối với địa bàn thuộc các huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, U Minh Thượng.

(2) Lấy mẫu 10% dân số ở vùng nguy cơ cho đối tượng nguy cơ cao (tiêu chí tại Phụ lục 6 kèm theo) đối với các huyện, thành phố: Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành, Kiên Hải, Hà Tiên và thành phố Phú Quốc.

- Địa bàn: 111 xã, phường, thị trấn thuộc 13 huyện, thành phố. Dân số 1.160.425 nhân khẩu, số lượng người cần lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc theo nguyên tắc trên là có 148.419 người/đợt.

- Số que lấy mẫu cần sử dụng
- + Mỗi đợt 148.419 người x 01 que/người/đợt = 148.419 que.
- + Sử dụng 03 đợt 148.419 que/đợt x 3 đợt = 445.257 que.
- Số ống môi trường cần sử dụng (gộp 10)
- + Mỗi đợt  
148.419 người x 01 mẫu/người/đợt x 01 ống/10 mẫu = 14.942 mẫu.
- + Tổng số 03 đợt  
14.942 mẫu x 3 đợt = 44.826 mẫu.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo)

## 3. Tổng số vật tư y tế, sinh phẩm cần sử dụng (1 + 2)

### 3.1. Que lấy mẫu

- Mỗi đợt = 716.909 que.
- Sử dụng 03 đợt = 2.150.727 que.

### 3.2. Ống môi trường lấy mẫu

- Mỗi đợt = 71.791 ống.
- Sử dụng 03 đợt = 215.373 ống.

## VII. PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ XÉT NGHIỆM

- Hợp đồng đặt hàng đơn vị có chức năng và đủ điều kiện thực hiện.
- Riêng Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc: Phụ trách thực hiện lấy mẫu và xét nghiệm các mẫu sàng lọc thuộc địa bàn thành phố Phú Quốc.

## VIII. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí để thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác.

### 1. Kinh phí thanh toán cho xét nghiệm

Ngân sách tỉnh và huy động hợp pháp khác (nếu có).

### 2. Ngân sách tỉnh bố trí đảm bảo mua que lấy mẫu và ống môi trường vận chuyển với số lượng

Que lấy mẫu 2.150.727 que; ống môi trường 215.373 ống.

### 3. Vật tư y tế sử dụng phòng hộ tránh lây nhiễm cho lực lượng tham gia lấy mẫu

- Cấp theo kế hoạch sử dụng của các địa phương.
- Sử dụng từ nguồn ngân sách, nguồn Bộ Y tế hỗ trợ và nguồn tài trợ của các đơn vị tài trợ.

## IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Y tế chủ trì, phối với các sở, ngành, địa phương

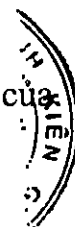
- Ban hành Quyết định huy động và thành lập Đội, phân công Đội trưởng lấy mẫu tại các địa phương, đơn vị. Tập huấn kỹ năng lấy mẫu gộp cho thành viên Đội. Đội có nhiệm vụ chủ yếu sau:

(1) Phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch và điều phối hoạt động lấy mẫu cho từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã). Tổ chức vận chuyển mẫu về phòng xét nghiệm theo từng đợt, không để cuối ngày mới giao mẫu, không để ứ ứ mẫu tại phòng xét nghiệm.

(2) Phối hợp với Đội phụ trách xét nghiệm để điều phối xét nghiệm, đảm bảo không để cuối ngày mới giao mẫu, không để ứ ứ mẫu sau khi được lấy. Báo cáo cho Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh kết quả xét nghiệm vào lúc 08 giờ 00 phút mỗi ngày.

(3) Phân chia Đội thành các tổ lấy mẫu, cử các tổ trưởng; phối hợp với lực lượng đối ứng của địa phương lên kế hoạch hoạt động ở từng địa bàn, từng buổi lấy mẫu.

- Thành lập Đội phụ trách xét nghiệm và có nhiệm vụ chủ yếu sau: phối



hợp theo dõi số lượng mẫu nhận trong ngày và ban giao cho Đơn vị thực hiện xét nghiệm (Bên B); nhập liệu, nhận tổng hợp và trả kết quả xét nghiệm về cho các địa phương để thực hiện các bước tiếp theo. Phụ trách theo dõi, giám sát hoạt động và sắp xếp, tập huấn, phân công nhiệm vụ cho 30 sinh viên tình nguyện hỗ trợ Bên B. Hỗ trợ các hoạt động khác của Bên B cho công tác xét nghiệm.

- Chỉ đạo xây dựng phương án đảm bảo an toàn tuyệt đối các điều kiện về phòng, chống dịch bệnh cho các lực lượng làm nhiệm vụ.

- Chỉ đạo và phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai theo đúng kế hoạch, đồng thời đôn đốc các đơn vị trực thuộc gấp rút triển khai và hoàn thành sớm các chỉ tiêu được giao. Đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan nhanh chóng xây dựng giá trần đặt hàng, lập dự toán kinh phí,... trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt; thương thảo và ký hợp đồng với Bên B. Xây dựng kế hoạch mua que lấy mẫu, ống môi trường, vật tư y tế, đồ phòng hộ,... theo quy định và đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời theo kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và các huyện, thành phố bố trí ăn, nghỉ cho lực lượng làm nhiệm vụ. Bố trí nơi làm việc và thực hiện xét nghiệm của Bên B.

## **2. Công an tỉnh chủ trì, phối với các sở, ngành, địa phương**

- Chỉ đạo lập danh sách hộ gia đình, liền kề và theo từng Tổ Nhân dân tự quản (Tổ NDTQ).

- Sắp xếp hướng dẫn cung đường cho các tổ đi lấy mẫu, đảm bảo hiệu quả; phối hợp vận động người dân (kể cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động) ở nhà trong khung thời gian lấy mẫu.

- Tiếp tục chỉ đạo giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định nguyên tắc về giãn cách (gia đình cách ly với gia đình; khu phố-ấp cách ly với khu phố-ấp; xã-phường-thị trấn cách ly với xã-phường-thị trấn;...) trong suốt thời gian lấy mẫu xét nghiệm.

- Đảm bảo an ninh trật tự tại các địa bàn lấy mẫu.

- Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh kế hoạch chỉ đạo bảo vệ nghiêm ngặt vùng xanh; lộ trình và biện pháp cụ thể để chuyển vùng vàng, vùng cam thành vùng xanh; cô lập ở phạm vi hẹp nhất tiến tới chuyển vùng đỏ thành vùng cam, vùng vàng và vùng xanh.

## **3. UBND các huyện, thành phố**

- Đảm bảo lực lượng đối ứng theo tỷ lệ 2/1 (2 lực lượng đối ứng/1 nhân viên lấy mẫu) cho mỗi tổ và có dự phòng; lập danh sách lực lượng đối ứng gửi về CDC tỉnh chậm nhất chiều 17/8/2021 (họ tên, số điện thoại); quán triệt lực lượng đối ứng tuân thủ quy trình lấy mẫu (theo hướng dẫn của CDC tỉnh) để



đảm bảo tiên độ, hiệu quả và an toàn. Lực lượng đối ứng đảm bảo phương tiện để hỗ trợ nhân viên lấy mẫu cùng di chuyển từ khu vực này sang khu vực khác.

- Lập sẵn danh sách hộ gia đình liền kề, số nhà và họ tên đầy đủ của các thành viên trong hộ. Phân chia và thông báo khung thời gian lấy mẫu cho từng Tổ NDTQ, hộ gia đình biết để đến lấy mẫu. Lựa chọn, bố trí điểm lấy mẫu tập trung từ 10-15 hộ, đảm bảo thông thoáng và giãn cách theo quy định; hướng dẫn người dân đeo khẩu trang đúng cách khi đến lấy mẫu. Phát huy vai trò của Tổ Covid cộng đồng, Tổ NDTQ vào hỗ trợ công tác lấy mẫu trên địa bàn mình.

- Bố trí địa điểm (1 điểm/xã) cho Đội lấy mẫu triển khai nghiệp vụ và ăn uống, nghỉ ngơi; và phun khử khuẩn sau khi Đội lấy mẫu xong.

- Có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự các khu vực lấy mẫu, đề phòng trường hợp người dân không hợp tác lấy mẫu.

- Có kế hoạch đảm bảo công tác hậu cần: hỗ trợ ăn trưa, chiều cho lực lượng lấy mẫu; văn phòng phẩm (bút lông, giấy A4, dây thun, cồn xit khử khuẩn, thùng xốp để đựng mẫu,...); xử lý rác thải sau lấy mẫu.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo tỉnh để thống nhất phương án đưa F0 đi điều trị, các F1 đi cách ly tập trung.

Riêng Thành phố Rạch Giá do tập trung lấy mẫu đồng loạt nên đề nghị tập trung lực lượng đối ứng để CDC tỉnh triển khai quy trình phối hợp thực hiện lấy mẫu. Địa điểm và thời gian: tại Trường Chính trị tỉnh, chiều ngày 17/8/2021.

**4. Sở Giao thông vận tải** đảm bảo xe đưa đón Đội lấy mẫu thực hiện nhiệm vụ trong suốt thời gian diễn ra kế hoạch. Triển khai cho lực lượng tài xế ăn, nghỉ, xét nghiệm định kỳ cùng với Đội lấy mẫu tại Trường Chính trị tỉnh trong suốt thời gian thực hiện kế hoạch.

**5. Đề nghị Trường Chính trị tỉnh** hỗ trợ chỗ nghỉ cho toàn bộ lực lượng tham gia lấy mẫu (Đội lấy mẫu, sinh viên tình nguyện, tài xế,...); chỉ đạo bộ phận quản lý Căn tin của Trường phối hợp với Sở Y tế để bố trí và phục vụ ăn uống cho các lực lượng.

**6. Tiểu ban tuyên truyền, thông tin báo chí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh**

- Chủ động phối hợp với Sở Y tế thực hiện công tác truyền thông, giáo dục, sức khỏe về việc lấy mẫu sàng lọc SARS-CoV-2 phát hiện sớm F0 để cách ly điều trị. Tổ chức giám sát việc thực hiện công tác truyền thông.

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các thông tin việc lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2. Chỉ đạo hệ thống Đài Truyền thanh địa phương chủ động phối hợp với ngành Y tế phát các thông điệp liên quan đến chiến dịch lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 diện rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

## 7. Sở Tài chính

Chỉ đạo khẩn trương thẩm định giá đặt hàng, dự toán kinh phí,... theo đề nghị của Sở Y tế, báo cáo và có ý kiến đề xuất trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

## 8. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

- Chủ động phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị Y tế có liên quan tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến công tác lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chủ động tham gia vào các hoạt động chung, trước hết là gương mẫu, vận động gia đình thực hiện nghiêm các quy định về giãn cách, giảm tối đa số lượng cán bộ CCVC, người làm việc tại cơ quan, đơn vị; hỗ trợ các hoạt động lấy mẫu theo tiến độ.

## 9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tiếp tục chỉ đạo phối hợp, hỗ trợ các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp thực hiện công tác vận động, tuyên truyền trong hội viên, đoàn viên và người dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với việc xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 và các biện pháp phòng, chống dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm các nội dung của Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế) để được xem xét, giải quyết kịp thời././ H2

### Nơi nhận:

- VPCP (A+B);
- BCĐ Quốc gia phòng, chống dịch bệnh Covid-19;
- Bộ Y tế;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội);
- Báo Kiên Giang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình KG;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP và CVNC;
- Lưu: VT, tthuy.

CHỦ TỊCH



*Lâm Minh Thành*

Lâm Minh Thành





**Phụ lục 1**

**TRONG VÙNG CÁCH LY Y TẾ VÀ VÙNG NGUY CƠ RẤT CAO  
XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC SARS-COV-2**

(Kèm theo Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Khu vực phong tỏa/Vùng nguy cơ rất cao		Ghi chú
				Số hộ	Số khẩu	
1	2	3	4	5	6	
<b>I</b>	<b>VÙNG CÁCH LY Y TẾ</b>					
	<b>Thành phố Rạch Giá</b>	<b>2.197</b>	<b>8.238</b>	<b>4</b>	<b>17</b>	
1	Phường Vĩnh Lợi (Hẻm 228, CMT 8, KP 1, P. Vĩnh Lợi)	2.197	8.238	4	17	
2	Hẻm 342, đường Ngô Quyền, KP 1, P. Vĩnh Lạc	7.494	26.980	115	713	
	<b>Huyện Châu Thành</b>	<b>12.943</b>	<b>51.081</b>	<b>4.364</b>	<b>17.187</b>	
3	Xã Mong Thọ B (TNĐTQ số 8,9, 11 ấp Phước Tân và TNĐTQ số 1 ấp Phước Tân)	3.669	14.267	140	474	
4	Xã Giục Tượng	4.205	16.619	4.205	16.619	
5	Xã Minh Hòa (Toàn bộ hộ dân tổ 1, 2 ấp An Khương)	5.069	20.195	19	94	
	<b>Huyện Gò Quao</b>	<b>2.707</b>	<b>10.093</b>	<b>14</b>	<b>60</b>	
6	Thị trấn Gò Quao TNĐTQ số 5, KP Phước Hưng)	2.707	10.093	14	60	
	<b>Huyện Vĩnh Thuận</b>	<b>3.458</b>	<b>12.599</b>	<b>1.710</b>	<b>7.141</b>	
7	Thị trấn Vĩnh Thuận (một phần KP Vĩnh Đông 1; Vĩnh Đông 2; Vĩnh Phúc 2)	3.458	12.599	1.710	7.141	
	<b>Cộng (I)</b>	<b>21.305</b>	<b>82.011</b>	<b>6.092</b>	<b>24.405</b>	
<b>II</b>	<b>VÙNG NGUY CƠ RẤT CAO</b>					
1	<b>Xã Mong Thọ B</b>	3.669	14.267	3.529	13.793	
2	<b>Thị trấn Vĩnh Thuận</b>	3.458	12.599	1.748	5.458	
	<b>Cộng (II)</b>	<b>7.127</b>	<b>26.866</b>	<b>5.277</b>	<b>19.251</b>	
	<b>TỔNG CỘNG: (I) + (II)</b>	<b>28.432</b>	<b>108.877</b>	<b>11.369</b>	<b>43.656</b>	



Phụ lục 2

**SỐ HỘ GIA ĐÌNH VÙNG NGUY CƠ CAO XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC**

Kèm theo Kế hoạch số 162 /KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh)

STT Chung	Số thứ tự huyện, thành phố	Tên đơn vị hành chính	Số hộ	Số nhân khẩu (người)
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
		<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>45.165</b>	<b>171.430</b>
		<i>Huyện, thành phố</i>		
		<b>THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ</b>	<b>21.786</b>	<b>78.296</b>
1	1	Phường Vĩnh Lạc	7.494	26.267
2	2	Phường An Hòa	7.777	27.531
3	3	Phường Rạch Sỏi	4.318	16.277
4	4	Phường Vĩnh Lợi	2.197	8.221
		<b>HUYỆN TÂN HIỆP</b>	<b>3.115</b>	<b>12.585</b>
5	1	Xã Thanh Trị	3.115	12.585
		<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>	<b>14.361</b>	<b>57.555</b>
6	1	Thị trấn Minh Lương	5.793	22.838
7	2	Xã Vĩnh Hòa Phú	3.499	14.522
8	3	Xã Minh Hòa	5.069	20.195
		<b>HUYỆN GIỒNG RIỀNG</b>	<b>3.170</b>	<b>12.935</b>
9	1	Xã Bàn Tân Định	3.170	12.935
		<b>HUYỆN GÒ QUAO</b>	<b>2.707</b>	<b>10.033</b>
10	1	Thị trấn Gò Quao	2.707	10.033
		<b>VĨNH THUẬN</b>	<b>10.995</b>	<b>40.042</b>
11	1	Xã Vĩnh Thuận	3.242	12.068
12	2	Xã Tân Thuận	2.555	9.402
13	3	Xã Phong Đông	1.434	4.771
14	4	Xã Vĩnh Phong	3.764	13.801



**Phu lục 3**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC VÙNG NGUY CƠ XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC SARS - COV - 2**

Theo Kế hoạch số 162 /KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh

STT chung	Số thứ tự huyện, thành phố	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)
		1	2	3
		<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>81.109</b>	<b>312.770</b>
		<i>Huyện, thành phố</i>		
		<b>THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ</b>	<b>38.470</b>	<b>149.390</b>
1	1	Phường Vĩnh Hiệp	4.443	17.771
2	2	Phường Vĩnh Bảo	4.167	15.751
3	3	Phường An Bình	5.332	19.622
	4	Phường Vĩnh Thanh Vân	2.626	11.268
	5	Phường Vĩnh Thanh	5.255	20.075
	6	Phường Vĩnh Quang	10.690	39.554
	7	Phường Vĩnh Thông	2.447	9.765
	8	Xã Phi Thông	3.510	15.584
		<b>HUYỆN TÂN HIỆP</b>	<b>4.005</b>	<b>15.501</b>
4	1	Xã Thanh Đông	4.005	15.501
		<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>	<b>18.790</b>	<b>72.789</b>
5	1	Xã Mong Thọ A	2.567	9.937
6	2	Xã Mong Thọ	2.001	8.145
7	3	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	4.725	17.797
8	4	Xã Bình An	5.205	20.172
9	5	Xã Thạnh Lộc	4.292	16.738
		<b>HUYỆN VĨNH THUẬN</b>	<b>8.336</b>	<b>29.985</b>
10	1	Xã Vĩnh Bình Bắc	4.211	14.870
11	2	Xã Vĩnh Bình Nam	2.535	9.260
12	3	Xã Bình Minh	1.590	5.855
		<b>GÒ QUAO</b>	<b>11.508</b>	<b>45.105</b>
13	1	Xã Vĩnh Phước A	2.119	8.263
14	2	Xã Vĩnh Phước B	1.964	7.548
15	3	Xã Định An	4.395	17.992
16	4	Xã Thủy Liễu	3.030	11.302

## Phụ lục 4

**DÂN SỐ VÙNG BÌNH THƯỜNG MỚI LẤY MẪU XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC SARS-COV-2**

(Kèm theo Kế hoạch số 162 /KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh)

STT chung	STT theo huyện, thành phố	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số lấy mẫu XN sàng lọc		
					Nhóm 10% dân số	Nhóm 15% dân số	Tổng cộng
		<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>311.602</b>	<b>1.160.425</b>	<b>47.618</b>	<b>102.637</b>	<b>148.491</b>
		<b>Huyện, thành phố</b>					
		<b>TP. HÀ TIÊN</b>	<b>12.870</b>	<b>48.644</b>	<b>4.864</b>		<b>4.864</b>
1	1	Phường Tô Châu	1.818	6.844	684		684
2	2	Phường Đông Hồ	2.118	7.752	775		775
3	3	Phường Bình San	2.794	10.462	1046		1.046
4	4	Phường Pháo Đài	1.909	7.429	743		743
5	5	Phường Mỹ Đức	1.903	7.617	762		762
6	6	Xã Tiên Hải	442	1.704	170		170
7	7	Xã Thuận Yên	1.886	6.836	684		684
		<b>HUYỆN KIÊN LƯƠNG</b>	<b>22.153</b>	<b>79.351</b>	<b>7.935</b>		<b>7.935</b>
8	1	Thị trấn Kiên Lương	9.026	30.917	3092		3.092
9	2	Xã Kiên Bình	2.364	8.364	836		
10	3	Xã Hòa Điền	2.635	9.836	984		
11	4	Xã Bình An	3.192	11.606	1161		
12	5	Xã Bình Trị	1.597	6.060	606		
13	6	Xã Dương Hòa	1.971	7.639	764		
14	7	Xã Sơn Hải	674	2.495	250		
15	8	Xã Hòn Nghệ	694	2.434	243		243
		<b>HUYỆN HÒN ĐẤT</b>	<b>41.928</b>	<b>156.770</b>	<b>15.677</b>		<b>15.677</b>
16	1	Thị trấn Hòn Đất	3.513	12.676	1268		1.268
17	2	Thị trấn Sóc Sơn	4.168	15.998	1600		1.600
18	3	Xã Bình Sơn	3.875	14.289	1429		1.429
19	4	Xã Bình Giang	3.982	14.920	1492		1.492
20	5	Xã Mỹ Thái	975	3.594	359		359
21	6	Xã Nam Thái Sơn	2.895	10.755	1076		1.076
22	7	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3.582	12.598	1260		1.260
23	8	Xã Sơn Kiên	3.044	11.233	1123		1.123
24	9	Xã Sơn Bình	2.042	8.195	820		820
25	10	Xã Mỹ Thuận	1.817	6.412	641		641
26	11	Xã Linh Huỳnh	2.334	9.349	935		935
27	12	Xã Thổ Sơn	3.867	14.256	1426		1.426
28	13	Xã Mỹ Lâm	4.499	17.849	1785		1.785
29	14	Xã Mỹ Phước	1.336	4.646	465		465
		<b>HUYỆN TÂN HIỆP</b>	<b>25.748</b>	<b>97.772</b>	<b>0</b>	<b>14.666</b>	<b>14.666</b>
30	1	Thị trấn Tân Hiệp	4.945	18.102		2.715	2.715
31	2	Xã Tân Hội	3.315	13.725		2.059	2.059
32	3	Xã Tân Thành	2.553	8.905		1.336	1.336
33	4	Xã Tân Hiệp B	2.312	7.883		1.182	1.182
34	5	Xã Tân Hoà	1.660	6.324		949	949
35	6	Xã Thạnh Đông B	1.920	7.679		1.152	1.152
36	7	Xã Tân Hiệp A	2.895	11.175		1.676	1.676

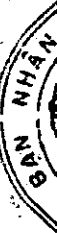


STT chung	STT theo huyện, thành phố	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số lấy mẫu XN sàng lọc		
					Nhóm 10% dân số	Nhóm 15% dân số	Tổng cộng
37	8	Xã Tân An	1.837	7.641		1.146	1.146
38	9	Xã Thanh Đông A	4.311	16.338		2.451	2.451
		<b>HUYỆN GIỒNG RIÊNG</b>	<b>51.295</b>	<b>212.454</b>	<b>0</b>	<b>31.868</b>	<b>31.868</b>
39	1	Thị trấn Giồng Riềng	4.692	20.008		3.001	3.001
40	2	Xã Thạnh Hưng	3.819	16.338		2.451	2.451
41	3	Xã Thạnh Phước	2.029	8.435		1.265	1.265
42	4	Xã Thạnh Lộc	3.380	14.389		2.158	2.158
43	5	Xã Thạnh Hòa	1.823	7.866		1.180	1.180
44	6	Xã Thạnh Bình	2.008	8.564		1.285	1.285
45	7	Xã Bàn Thạch	2.991	11.976		1.796	1.796
46	8	Xã Ngọc Chúc	2.936	11.904		1.786	1.786
47	9	Xã Ngọc Thành	2.190	9.498		1.425	1.425
48	10	Xã Ngọc Thuận	2.225	9.268		1.390	1.390
49	11	Xã Hòa Hưng	2.705	11.285		1.693	1.693
50	12	Xã Hòa Lợi	2.584	10.502		1.575	1.575
51	13	Xã Hòa An	2.523	10.244		1.537	1.537
52	14	Xã Long Thạnh	4.608	18.416		2.762	2.762
53	15	Xã Vĩnh Thạnh	2.508	10.161		1.524	1.524
54	16	Xã Vĩnh Phú	1.910	7.929		1.189	1.189
55	17	Xã Hòa Thuận	3.467	14.089		2.113	2.113
56	18	Xã Ngọc Hòa	2.897	11.582		1.737	1.737
		<b>HUYỆN GÒ QUAO</b>	<b>20.477</b>	<b>78.605</b>	<b>0</b>	<b>11.791</b>	<b>11.791</b>
57	1	Xã Định Hòa	3.945	15.270		2.291	2.291
58	2	Xã Vĩnh Tuy	2.993	11.038		1.656	1.656
59	3	Xã Vĩnh Thắng	1.839	6.914		1.037	1.037
60	4	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	3.561	13.671		2.051	2.051
61	5	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	4.055	15.416		2.312	2.312
62	6	Xã Thới Quản	4.084	16.296		2.444	2.444
		<b>HUYỆN AN BIÊN</b>	<b>30.369</b>	<b>115.584</b>	<b>0</b>	<b>17.338</b>	<b>17.338</b>
63	1	Thị trấn Thứ Ba	3.038	11.981		1.797	1.797
64	2	Xã Tây Yên	3.593	13.915		2.087	2.087
65	3	Xã Tây Yên A	2.676	10.602		1.590	1.590
66	4	Xã Nam Yên	3.820	14.866		2.230	2.230
67	5	Xã Hưng Yên	3.783	14.935		2.240	2.240
68	6	Xã Nam Thái	3.469	13.020		1.953	1.953
69	7	Xã Nam Thái A	2.097	7.615		1.142	1.142
70	8	Xã Đông Thái	4.590	16.409		2.461	2.461
71	9	Xã Đông Yên	3.303	12.241		1.836	1.836
		<b>HUYỆN AN MINH</b>	<b>31.116</b>	<b>116.217</b>	<b>0</b>	<b>17.433</b>	<b>17.433</b>
72	1	Thị trấn Thứ Mười Một	1.940	6.770		1.016	1.016
73	2	Xã Thuận Hòa	3.905	14.581		2.187	2.187
74	3	Xã Đông Hòa	5.515	20.747		3.112	3.112
75	4	Xã Đông Thạnh	2.874	10.736		1.610	1.610
76	5	Xã Tân Thạnh	2.878	10.644		1.597	1.597

**Phụ lục 5**  
**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG MẪU VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỢT 1**  
**SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Kế hoạch số 162 /KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số mẫu cần sàng lọc mỗi đợt (Gộp 10 người)			Tổng cộng 03 đợt	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
				Vùng phong toả, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Bình thường mới 10-15% D.Số	Tổng cộng		Đợt 1 (18-23/8/2021)	Đợt 2(25-30/8/2021)	Đợt 3 (31/8-06/9/2021)	
	<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>460.177</b>	<b>1.728.869</b>	<b>56.849</b>	<b>14.986</b>	<b>71.835</b>	<b>212.182</b>				
	<i>Huyện, thành phố</i>			<b>56.849</b>	<b>14.986</b>	<b>71.835</b>	<b>212.182</b>				
	<b>THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ</b>	<b>60.256</b>	<b>228.416</b>	<b>22.842</b>		<b>22.842</b>	<b>68.525</b>				
1	Phường Vĩnh Thanh Vân	2.626	11.268	1.127		1.127	3.380	Ngày 18-19/8/2021	Ngày 25-26/8/2021	Ngày 01-02/9/2021	BTM (100%)
2	Phường Vĩnh Thanh	5.255	20.075	2.008		2.008	6.023				BTM (100%)
3	Phường Vĩnh Quang	10.690	39.554	3.955		3.955	11.866				BTM (100%)
4	Phường Vĩnh Hiệp	4.443	17.771	1.777		1.777	5.331				
5	Phường Vĩnh Bảo	4.167	15.751	1.575		1.575	4.725				
6	Phường Vĩnh Lạc	7.494	26.980	2.698		2.698	8.094				
7	Phường An Hòa	7.777	27.531	2.753		2.753	8.259				
8	Phường An Bình	5.332	19.622	1.962		1.962	5.887				



9	Phường Rạch Sỏi	4.318	16.277	1.628	1.628	4.883			
10	Phường Vĩnh Lợi	2.197	8.238	824	824	2.471			
11	Phường Vĩnh Thông	2.447	9.765	977	977	2.930			BTM (100%)
12	Xã Phi Thông	3.510	15.584	1.558	1.558	4.675			BTM (100%)
	<b>THÀNH PHỐ HÀ TIÊN</b>	<b>12.870</b>	<b>48.644</b>	<b>486</b>	<b>486</b>	<b>1.459</b>			
1	Phường Tô Châu	1.818	6.844	68	68	205	Ngày 23/8/2021	Ngày 30/8/2021	Ngày 06/9/2021
2	Phường Đông Hồ	2.118	7.752	78	78	233			
3	Phường Bình San	2.794	10.462	105	105	314			
4	Phường Pháo Đài	1.909	7.429	74	74	223			
5	Phường Mỹ Đức	1.903	7.617	76	76	229			
6	Xã Tiên Hải	442	1.704	17	17	51			
7	Xã Thuận Yên	1.886	6.836	68	68	205			
	<b>HUYỆN KIÊN LƯƠNG</b>	<b>22.153</b>	<b>79.351</b>	<b>794</b>	<b>794</b>	<b>2.381</b>			
1	Thị trấn Kiên Lương	9.026	30.917	309	309	928	Ngày 23/8/2021	Ngày 30/8/2021	Ngày 06/9/2021
2	Xã Kiên Bình	2.364	8.364	84	84	251			
3	Xã Hòa Điền	2.635	9.836	98	98	295			
4	Xã Bình An	3.192	11.606	116	116	348			
5	Xã Bình Trị	1.597	6.060	61	61	182			
6	Xã Dương Hòa	1.971	7.639	76	76	229			



7	Xã Sơn Hải	674	2.495		25	25	75			
8	Xã Hòn Nghệ	694	2.434		24	24	73			
	<b>HUYỆN HÒN ĐÁT</b>	<b>41.928</b>	<b>156.770</b>		<b>1.568</b>	<b>1.568</b>	<b>4.703</b>			
1	Thị trấn Hòn Đát	3.513	12.676		127	127	380	Ngày 23/8/2021	Ngày 30/8/2021	Ngày 06/9/2021
2	Thị trấn Sóc Sơn	4.168	15.998		160	160	480			
3	Xã Bình Sơn	3.875	14.289		143	143	429			
4	Xã Bình Giang	3.982	14.920		149	149	448			
5	Xã Mỹ Thái	975	3.594		36	36	108			
6	Xã Nam Thái Sơn	2.895	10.755		108	108	323			
7	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3.582	12.598		126	126	378			
8	Xã Sơn Kiên	3.044	11.233		112	112	337			
9	Xã Sơn Bình	2.042	8.195		82	82	246			
10	Xã Mỹ Thuận	1.817	6.412		64	64	192			
11	Xã Linh Huỳnh	2.334	9.349		93	93	280			
12	Xã Thổ Sơn	3.867	14.256		143	143	428			
13	Xã Mỹ Lâm	4.499	17.849		178	178	535			
14	Xã Mỹ Phước	1.336	4.646		46	46	139			
	<b>HUYỆN TÂN HIỆP</b>	<b>32.868</b>	<b>125.858</b>	<b>2.809</b>	<b>1.467</b>	<b>4.275</b>	<b>12.826</b>			
1	Thị trấn Tân Hiệp	4.945	18.102		272	272	815			





2	Xã Tân Hội	3.315	13.725		206	206	618	Ngày 23/8/2021	Ngày 30/8/2021	Ngày 06/9/2021	
3	Xã Tân Thành	2.553	8.905		134	134	401				
4	Xã Tân Hiệp B	2.312	7.883		118	118	355				
5	Xã Tân Hoà	1.660	6.324		95	95	285				
6	Xã Thạnh Đông B	1.920	7.679		115	115	346				
7	Xã Thạnh Đông	4.005	15.501	1.550		1.550	4.650				
8	Xã Tân Hiệp A	2.895	11.175		168	168	503				
9	Xã Tân An	1.837	7.641		115	115	344				
10	Xã Thạnh Đông A	4.311	16.338		245	245	735				
11	Xã Thạnh Trị	3.115	12.585	1.259		1.259	3.776				
	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>	<b>41.025</b>	<b>161.230</b>	<b>16.123</b>		<b>16.123</b>	<b>45.045</b>				
1	Thị trấn Minh Lương	5.793	22.838	2.284		2.284	6.851	Ngày 19-20/8/2021	Ngày 26-27.8.2021	Ngày 02-03/9/2021	Giục Tương chỉ thực hiện 01 đợt (đợt 3), CD đã lậ
2	Xã Mong Thọ A	2.567	9.937	994		994	2.981				
3	Xã Mong Thọ B	3.669	14.267	1.427		1.427	4.280				
4	Xã Mong Thọ	2.001	8.145	815		815	2.444				
5	Xã Giục Tượng	4.205	16.619	1.662		1.662	1.662				
6	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	4.725	17.797	1.780		1.780	5.339				
7	Xã Vĩnh Hòa Phú	3.499	14.522	1.452		1.452	4.357				
8	Xã Minh Hòa	5.069	20.195	2.020		2.020	6.059				






17	Xã Vĩnh Phú	1.910	7.929		119	119	357				
18	Xã Hòa Thuận	3.467	14.089		211	211	634				
19	Xã Ngọc Hòa	2.897	11.582		174	174	521				
	<b>HUYỆN GÒ QUAO</b>	<b>34.692</b>	<b>133.776</b>	<b>5.520</b>	<b>1.179</b>	<b>6.698</b>	<b>20.095</b>				
1	Thị trấn Gò Quao	2.707	10.093	1.009		1.009	3.028	Ngày 22/8/2021	Ngày 29/8/2021	Ngày 05/9/2021	
2	Xã Định An	4.395	17.992	1.799		1.799	5.398				
3	Xã Định Hòa	3.945	15.270		229	229	687				
4	Xã Vĩnh Tuy	2.993	11.038		166	166	497				
5	Xã Vĩnh Thắng	1.839	6.914		104	104	311				
6	Xã Vĩnh Phước A	2.119	8.263	826		826	2.479				
7	Xã Vĩnh Phước B	1.964	7.548	755		755	2.264				
8	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	3.561	13.671		205	205	615				
9	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	4.055	15.416		231	231	694				
10	Xã Thủy Liễu	3.030	11.302	1.130		1.130	3.391				
11	Xã Thới Quản	4.084	16.269		244	244	732				
	<b>HUYỆN AN BIÊN</b>	<b>30.369</b>	<b>115.584</b>		<b>1.734</b>	<b>1.734</b>	<b>5.201</b>				
1	Thị trấn Thứ Ba	3.038	11.981		180	180	539				
2	Xã Tây Yên	3.593	13.915		209	209	626				
3	Xã Tây Yên A	2.676	10.602		159	159	477				



4	Xã Nam Yên	3.820	14.866	223	223	669	Ngày 21/8/2021	Ngày 28/8/2021	Ngày 04/9/2021				
5	Xã Hưng Yên	3.783	14.935	224	224	672							
6	Xã Nam Thái	3.469	13.020	195	195	586							
7	Xã Nam Thái A	2.097	7.615	114	114	343							
8	Xã Đông Thái	4.590	16.409	246	246	738							
9	Xã Đông Yên	3.303	12.241	184	184	551							
	<b>HUYỆN AN MINH</b>	<b>31.116</b>	<b>116.217</b>	<b>1.743</b>	<b>1.743</b>	<b>5.230</b>							
1	Thị trấn Thứ Mười Một	1.940	6.770	102	102	305				Ngày 21/8/2021	Ngày 28/8/2021	Ngày 04/9/2021	
2	Xã Thuận Hòa	3.905	14.581	219	219	656							
3	Xã Đông Hòa	5.515	20.747	311	311	934							
4	Xã Đông Thạnh	2.874	10.736	161	161	483							
5	Xã Tân Thạnh	2.878	10.644	160	160	479							
6	Xã Đông Hưng	2.725	10.007	150	150	450							
7	Xã Đông Hưng A	1.998	7.646	115	115	344							
8	Xã Đông Hưng B	2.630	9.861	148	148	444							
9	Xã Vân Khánh	2.836	10.772	162	162	485							
10	Xã Vân Khánh Đông	2.243	8.489	127	127	382							
11	Xã Vân Khánh Tây	1.572	5.964	89	89	268							



	<b>HUYỆN VINH THUẬN</b>	<b>22.789</b>	<b>82.626</b>	<b>8.263</b>		<b>8.263</b>	<b>24.788</b>				
1	Thị trấn Vĩnh Thuận	3.458	12.599	1.260		1.260	3.780	Ngày 21/8/2021	Ngày 28/8/2021	Ngày 04/9/2021	
2	Xã Vĩnh Bình Bắc	4.211	14.870	1.487		1.487	4.461				
3	Xã Vĩnh Bình Nam	2.535	9.260	926		926	2.778				
4	Xã Bình Minh	1.590	5.855	586		586	1.757				
5	Xã Vĩnh Thuận	3.242	12.068	1.207		1.207	3.620				
6	Xã Tân Thuận	2.555	9.402	940		940	2.821				
7	Xã Phong Đông	1.434	4.771	477		477	1.431				
8	Xã Vĩnh Phong	3.764	13.801	1.380		1.380	4.140				
	<b>THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC</b>	<b>44.356</b>	<b>144.460</b>		<b>1.445</b>	<b>1.445</b>	<b>4.334</b>				
1	Phường Dương Đông	13.571	44.607		446	446	1.338	18-19/8/2021	Ngày 25-26/8/2021	01-02/9/2021	Đơn vị tự thực hiện
2	Phường An Thới	10.706	34.116		341	341	1.023				
3	Xã Cửa Cạn	1.667	5.679		57	57	170				
4	Xã Gành Dầu	3.110	8.907		89	89	267				
5	Xã Cửa Dương	5.712	19.189		192	192	576				
6	Xã Hàm Ninh	2.898	10.336		103	103	310				
7	Xã Dương Tơ	5.116	15.853		159	159	476				
8	Xã Bãi Thơm	1.037	3.904		39	39	117				
9	Xã Thổ Châu	539	1.869		19	19	56				

	<b>HUYỆN KIÊN HẢI</b>	<b>5.150</b>	<b>17.644</b>		<b>138</b>	<b>138</b>	<b>413</b>	Ngày 18/8/2021	Ngày 25/8/2021	Ngày 01/9/2021	Đơn vị tự thực hiện
1	Xã Hòn Tre	1.148	3.877								
2	Xã Lại Sơn	1.845	6.283		63	63	188				
3	Xã An Sơn	1.165	4.115		41	41	123				
4	Xã Nam Du	992	3.369		34	34	101				
	<b>HUYỆN U MINH THƯỢNG</b>	<b>17.920</b>	<b>63.616</b>		<b>954</b>	<b>954</b>	<b>2.863</b>	Ngày 21/8/2021	Ngày 28/8/2021	Ngày 04/9/2021	
1	Xã Thạnh Yên	2.802	9.752		146	146	439				
2	Xã Thạnh Yên A	1.931	6.895		103	103	310				
3	Xã An Minh Bắc	2.992	10.980		165	165	494				
4	Xã Vĩnh Hòa	1.964	6.953		104	104	313				
5	Xã Hòa Chánh	2.944	9.803		147	147	441				
6	Xã Minh Thuận	5.287	19.233		288	288	865				
	<b>HUYỆN GIANG THÀNH</b>	<b>8.220</b>	<b>29.308</b>		<b>293</b>	<b>293</b>	<b>879</b>	Ngày 18/8/2021	Ngày 25/8/2021	Ngày 01/9/2021	Đơn vị tự thực hiện
1	Xã Phú Mỹ	1.350	5.343		53	53	160				
2	Xã Phú Lợi	1.190	4.010		40	40	120				
3	Xã Tân Khánh Hòa	1.670	6.057		61	61	182				
4	Xã Vĩnh Điều	1.970	6.635		66	66	199				
5	Xã Vĩnh Phú	2.040	7.263		73	73	218				

## Phụ lục 6

# TIÊU CHÍ CHỌN ĐỐI TƯỢNG XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC TẠI CỘNG ĐỒNG VÀ DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Kế hoạch số 162 /KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh)

### I. LẤY MẪU PHÒNG CHỐNG DỊCH THEO QUY ĐỊNH CHUNG

- Tất cả người có triệu chứng nghi mắc Covid-19 phát hiện được tại cộng đồng, hiệu thuốc, cơ sở y tế: Sốt, ho, đau họng, hội chứng cảm cúm, mất khứu giác, viêm đường hô hấp,...

- Tất cả người có triệu chứng nghi mắc Covid-19 đến khám tại các cơ sở điều trị, hiệu thuốc: Sốt, ho, đau họng, hội chứng cảm cúm, mất khứu giác, viêm đường hô hấp, viêm phổi,...

- Bệnh nhân Covid-19 đang điều trị tại cơ sở y tế và theo dõi sau khi ra viện cách ly tại nhà.

- Tất cả F1.

- Tất cả người đang cách ly tại cơ sở cách ly tập trung theo quy định.

- Nhóm bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện.

- Cán bộ y tế tại các cơ sở điều trị theo quy định của Bộ Y tế.

- Các lực lượng tham gia chống dịch.

### II. LẤY MẪU ĐÁP ỨNG XỬ LÝ Ổ DỊCH

- Người dân trong cộng đồng khu vực ổ dịch, người dân trong khu vực phong tỏa.

- Người dân trong cộng đồng tại một số mốc dịch tễ lớn, quan trọng.

- F1 và nhóm người có liên quan dịch tễ không thuộc nhóm F1 nhưng có nguy cơ cao phát hiện được qua điều tra dịch tễ. Xét nghiệm F2 ngay khi thấy nguy cơ F1 có thể đã trở thành F0 và lây cho F2.

### III. LẤY MẪU NHÓM NGUY CƠ CAO ĐỂ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH TRONG CỘNG ĐỒNG

(Tùy theo tình hình thực tế của địa phương để chọn lấy mẫu trong các nhóm nguy cơ dưới đây)

- Tại cộng đồng: người dân sinh sống tại một số khu nhà trọ, các xóm trọ tập trung nhiều công nhân, người lao động nhập cư, khu vực xung quanh bệnh viện.

- Tại một số chợ đầu mối, chợ truyền thống: ban quản lý chợ, bảo vệ chợ, trông xe, các hộ buôn bán lâu năm đông khách hàng trong chợ và một số hộ dân tại khu vực xung quanh chợ.

- Tại một số siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi: các nhân viên bán hàng, thu ngân, nhân viên phục vụ, ban quản lý, bảo vệ, người trông xe.

- Tại một số cơ sở dịch vụ: karaoke, mát xa, cắt tóc, gội đầu, quán ăn đông người,...

- Nhân viên bán hàng ở cây xăng; các cửa hàng/trạm bán xăng dầu.



- Một số cơ quan có giao dịch nhiều với người dân: Hiệu thuốc, Ngân hàng; Cơ quan thuế; Kho bạc; Bưu điện; Bộ phận tiếp dân của một số cơ quan lớn; Bộ phận một cửa; một số sở ngành,...

- Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại các khu cách ly tập trung, các khách sạn tổ chức cách ly tập trung, chuyên gia nước ngoài đã hoàn thành cách ly tập trung.

- Tại các bến xe, bến tàu: Ban Quản lý, nhân viên bán vé, bảo vệ, xe ôm, một số lái xe taxi, lái xe khách, xe tải đường dài.

- Người lang thang; mua bán đồng nát; người bán hàng rong; shipper; người buôn bán liên tỉnh, liên huyện.

- Tại một số khách sạn, nhà nghỉ có lượng khách lớn: Ban Quản lý, lễ tân, nhân viên phục vụ, chủ cơ sở.

- Tại một số câu lạc bộ thể thao (sân golf, sân tennis, phòng tập yoga, phòng tập gym): bảo vệ, trông xe, huấn luyện viên, người phục vụ.

- Các nhóm đối tượng nguy cơ khác (do địa phương tự đánh giá và quyết định theo thực tế tại địa phương).

- Lấy mẫu chọn điểm một số khu vực dân cư có nguy cơ cao (do địa phương tự đánh giá và quyết định theo thực tế tại địa phương).

#### **IV. LẤY MẪU NHÓM NGUY CƠ CAO ĐỂ XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC TẠI DOANH NGHIỆP, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP**

***Người đi lại, giao tiếp nhiều trong công ty:***

- Giám sát, điều hành.
- Y tế cơ quan.
- Cán bộ, nhân viên nhà ăn.
- Người giao hàng, vận chuyển, cung cấp hàng hóa.
- Đội phòng chống dịch COVID-19.
- Bảo vệ, nhà xe.
- Công nhân vệ sinh.

***Người có yếu tố nguy cơ khác:***

- Sinh sống, ở tại vùng có ca bệnh.
- Người đi làm cùng lúc nhiều nơi, ăn ở cư trú với nhiều người khác công ty/doanh nghiệp.
- Công nhân đi lại, di chuyển từ nơi có dịch về.
- Tiếp xúc gần với các F2, F3.
- Có triệu chứng viêm, nhiễm đường hô hấp trong vòng 1 tuần qua./.